

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/DS-PT
Ngày 31/3/2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Thị Thúy Nga**.

Các Thẩm phán: Ông **Trần Nam Trung**;

Ông **Nguyễn Quốc Định**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Anh Thảo** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hội Nông dân tỉnh S**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trương Vũ P** - Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh S. Địa chỉ: Số B, đường A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Bà **Lâm Thị Thu Á** – Chánh văn phòng Hội Nông dân tỉnh S; Địa chỉ: Số B, đường A, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

+ Ông **Lâm Trần D** – Phó Phòng hành chính ban quản lý dự án 1 tỉnh S; Địa chỉ: Số G, đường N, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2**; Địa chỉ: Số G, Quốc Lộ A (nay là đường V) Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Trương Thanh T** - Giám đốc Công ty TNHH T2; Địa chỉ: Số A, B, phường L, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Số E, đường P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng số 01/2013/HĐXD, ngày 06/09/2013 và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD, ngày 10/10/2013 giữa Hội Nông dân tỉnh S (sau đây viết tắt là Hội Nông dân) và Công ty TNHH T2 (sau đây viết tắt là Công ty T2) thì hai bên thoả thuận giao Công ty T2 là đơn vị thi công công trình Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh S, do Hội Nông dân tỉnh S làm chủ đầu tư, thời gian khởi công xây dựng từ ngày 28/10/2013 và hoàn thành công việc theo hợp đồng trong thời gian 330 ngày. Tuy nhiên, do nguồn vốn cho dự án bị kéo dài nên Trung ương Hội N cho phép gia hạn thời gian hoàn thành công việc đến ngày 30/6/2017, thời điểm này khối lượng mới đạt khoảng 85%. Ngày 28/8/2017, Công ty T2 đơn phương xin chấm dứt hợp đồng và yêu cầu thanh lý hợp đồng, với lý do nguồn vốn không đáp ứng tiến độ thi công; mặt khác, nhà thầu không phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện nghiệm thu hoàn thành gói thầu và không bàn giao mặt bằng nên công việc kéo dài đến tháng 10/2019.

Trong khoảng thời gian (từ ngày 28/8/2017 đến tháng 7/2019), tại công trình xảy ra mất trộm dây điện, điện ngoại vi và cửa nhôm kính, ước tính giá trị khoảng 2.500.000.000 đồng. Chủ đầu tư đã yêu cầu nhà thầu sửa chữa phần bị mất cấp nhưng nhà thầu không thực hiện, nguyên nhân là do nhà thầu cho rằng khi hết hạn thì coi như chấm dứt hợp đồng, không phải nghiệm thu hoàn thành và bàn giao mặt bằng mà chỉ thanh toán và thanh lý hợp đồng. Do đó, nhà thầu không chịu trách nhiệm quản lý vật tư trên công trường trong thời gian chờ nghiệm thu, thanh lý.

Sau khi xảy ra mất cấp chủ đầu tư có thông báo bằng văn bản cho nhà thầu phối hợp kiểm tra hiện trường, mời kiểm toán và U, thành phố S để làm cơ sở báo cáo UBND tỉnh S về khối lượng mất cấp. Mặt khác chủ đầu tư có báo cáo về Trung ương Hội N để xin bố trí nguồn vốn xử lý phần mất cấp nhưng Trung ương không đồng ý nên Chủ đầu tư xin Ủy ban nhân dân tỉnh S cho tạm ứng Ngân sách nhà nước để thi công hoàn trả lại phần mất cấp đã nghiệm thu để sớm đưa công trình vào sử dụng.

Đối với phần khối lượng đã thi công mà bị mất cấp phía chủ đầu tư đã nghiệm thu và thanh toán cho nhà thầu xong. Đợt nghiệm thu thanh toán cho nhà thầu vào năm 2021 là lần quyết toán thi công xây dựng toàn công trình.

Do nguồn vốn xây dựng công trình trên là của Trung ương cấp nên nếu Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu trong năm đó thì Trung ương sẽ rút vốn về và sẽ không cấp để tiếp tục thanh toán cho nhà thầu.

Trước thực trạng trên, nếu phần vật tư mất cấp nêu trên không xác định được trách nhiệm và thi công trả lại thì sẽ không thể hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến gói thầu cung cấp thiết bị nội thất và thiết bị dạy nghề do chưa có mặt bằng hoàn thiện để lắp đặt. Ngày 15/10/2018, Hội Nông dân tổ chức cuộc họp gồm đại diện các đơn vị liên quan (Ban quản lý dự án 1, đơn vị kiểm toán độc lập, đơn vị giám sát tác giả tư vấn thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình, UBND phường 10) thẩm định giá trị bị trộm cắp và trình UBND tỉnh đề nghị tạm ứng ngân sách số tiền 2.355.179.413 đồng để thi công, hoàn thiện công trình phần còn lại. Cụ thể:

- Chi phí thi công xây dựng: 2.186.232.389 đồng.
- Chi phí tư vấn lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 10.119.000 đồng.
- Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán: 5.674.024 đồng.
- Chi phí lập dự toán: 9.585.000 đồng.
- Chi phí tư vấn quản lý dự án: 71.752.000 đồng.
- Chi phí tư vấn giám sát: 71.817.000 đồng.

Nay Hội Nông dân tỉnh S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH T2 phải hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền 2.355.179.413 đồng mà Hội Nông dân tỉnh S đã chi trả để lắp đặt lại khối lượng vật tư đã bị mất cắp tại công trình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Theo Hợp đồng số 01/2013/HĐXD, ngày 06/09/2013 và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD, ngày 10/10/2013 giữa Hội Nông dân và Công ty T2, thì hai bên thoả thuận giao Công ty T2 là đơn vị thi công công trình Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh S, do Hội Nông dân làm chủ đầu tư, thời gian khởi công xây dựng từ ngày 28/10/2013 và hoàn thành công việc theo hợp đồng trong thời gian 330 ngày. Tuy nhiên, theo kế hoạch vốn hàng năm của Hội N thì vốn được cấp cho Hội Nông dân tỉnh S được bao nhiêu thì bên đơn vị thi công sẽ thi công theo nguồn vốn được cấp. Trên thực tế phía Công ty T2 luôn thi công vượt khối lượng so với nguồn vốn được cấp. Phía Công ty T2 có ký nhiều phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thi công. Đến ngày 30/6/2017 là hết thời gian kéo dài hợp đồng thì phía Công ty T2 có Văn bản yêu cầu thanh lý hợp đồng, ngưng thi công. Theo Bản cam kết ngày 06/5/2019 thì phía Công ty T2 cam kết khi công trình tiếp tục triển khai mà khối lượng dây điện bị thiếu so với khối lượng Chủ đầu tư đã nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu ngày 15/10/2018, thì Công ty sẽ cung cấp và lắp đặt lại đầy đủ chứ không phải so với số lượng bị mất cắp theo như phía Chủ đầu tư trình bày. Tuy nhiên, theo biên bản nghiệm thu ngày 15/10/2018 thì khối lượng dây điện không bị thiếu.

Việc Công trình mất cắp xảy không phải do lỗi của phía Công ty. Mặt khác việc Công trình mất cắp xảy ra sau khi các bên nghiệm thu khối lượng đã xây dựng và sau khi phía Công ty không còn quản lý, trông coi công trình. Mặt khác,

vào năm 2021 Chủ đầu tư cũng đồng ý thanh toán cho Công ty trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành và có kiểm toán, lập bản vẽ dựa trên hồ sơ hoàn công (kể cả phần mất cấp). Do đó phía Công ty không có lỗi nên không chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của Hội Nông dân tỉnh S.

Theo bị đơn sau khi lập biên bản nghiệm thu ngày 15/10/2018 thì phía Công ty đã thoả thuận miệng với Chủ đầu tư về việc bàn giao công trình cho phía Chủ đầu tư quản lý trong thời gian chờ hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

Phía bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 149 Bộ Luật dân sự.

Theo nguyên đơn cho rằng trường hợp công trình chưa được bàn giao thì tài sản tại công trình là của nhà thầu, nếu xảy ra mất cấp mà quy được trách nhiệm cho nhà thầu thì nhà thầu sẽ tự lấp đặt chứ phía chủ đầu tư không thể tự lấp đặt rồi yêu cầu nhà thầu bồi thường. Mặt khác, đối với phần giá trị mất cấp theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền 2.355.179.413 đồng là không có cơ sở, do đó phía bị đơn không đồng ý hoàn trả số tiền trên theo yêu cầu của nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền 2.355.179.413 đồng. (Bao gồm: Chi phí thi công xây dựng: 2.186.232.389 đồng. Chi phí tư vấn lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 10.119.000 đồng. Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán: 5.674.024 đồng. Chi phí lập dự toán: 9.585.000 đồng. Chi phí tư vấn quản lý dự án: 71.752.000 đồng. Chi phí tư vấn giám sát: 71.817.000 đồng).

Kể từ ngày Hội Nông dân tỉnh S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty TNHH T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu số tiền 79.103.588 đồng. Hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.551.794 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008679 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024 bị đơn Công ty TNHH T2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã tuyên Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền 2.355.179.413 đồng. (Bao gồm: Chi phí thi công xây dựng 2.186.232.389 đồng. Chi phí tư vấn lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 10.119.000 đồng. Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán: 5.674.024 đồng. Chi phí lập dự toán: 9.585.000 đồng. Chi phí tư vấn quản lý dự án: 71.752.000 đồng. Chi phí tư vấn giám sát: 71.817.000 đồng). Không đồng ý với việc Tòa án buộc trả số tiền trên nên Công ty TNHH T2 kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét đây là tranh chấp về hợp đồng và khi xem xét là tranh chấp về hợp đồng phải xem xét thời hiệu vì hợp đồng này đã không còn thời hiệu, do vậy việc bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Đòi lại tài sản là không đúng. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nguyên đơn đã ứng trước để khắc phục hậu quả nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Đòi lại tài sản là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, do vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Lý do kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Việc công trình bị mất cấp xảy ra không phải do lỗi của Công ty TNHH T2. Mặt khác, việc công trình mất cấp xảy ra sau khi các bên nghiệm thu khối lượng đã xây dựng và sau khi phía công ty không còn quản lý, trông coi công trình. Đồng thời năm 2021 Chủ đầu tư cũng đồng ý thanh toán cho công ty trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành và có kiểm toán, lập bản vẽ dựa trên sơ đồ hoàn công (kể cả phần mất cấp). Do đó công ty không có lỗi nên không chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của Hội Nông dân tỉnh S.

[5] Xét thấy: Hội Nông dân tỉnh S và Công ty T2 đều khai thống nhất các bên có ký kết Hợp đồng số 01/2013/HĐXD ngày 06/9/2013 và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD ngày 10/10/2013 cùng các phụ lục hợp đồng. Theo Hợp đồng thì Hội Nông dân tỉnh S là Chủ đầu tư xây dựng Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh S, Công ty T2 là đơn vị thi công công trình. Thời gian khởi công xây dựng từ ngày 28/10/2013 và hoàn thành công việc theo hợp đồng trong thời gian 330 ngày, sau đó các bên có ký kết các phụ lục hợp đồng để điều chỉnh thời gian hoàn thành công trình đến ngày 31/7/2019. Đến năm 2021, phía chủ đầu tư đã thanh toán xong khối lượng công việc nhà thầu đã thi công. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về tính hợp pháp của các Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng nêu trên thì thấy rằng, Hội Nông dân và Công ty T2 giao kết hợp đồng thông qua người đại diện hợp pháp, hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng là hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

[7] Xét thấy, mặc dù các bên thống nhất Hợp đồng số 01/2013/HĐXD ngày 06/9/2013 (bao gồm phụ lục hợp đồng) và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD ngày 10/10/2013 (bao gồm phụ lục hợp đồng) đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Tuy nhiên, sự việc mất cấp tài sản tại công trình xảy ra trong thời gian các bên thực hiện Hợp đồng số 01/2013/HĐXD ngày 06/9/2013 và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD ngày 10/10/2013, nên cần căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng để xem xét trách nhiệm của các bên.

[8] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty T2 đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu thanh lý hợp đồng gửi cho Hội Nông dân tỉnh S. Tuy nhiên, tại Công văn số 1102-CV/HNDT ngày 26/02/2018 (Bút lục số 211), Công văn số 1157-CV/HNDT ngày 10/5/2018 (Bút lục số 215), Công văn số 09-CV/HNDT

ngày 20/9/2018 (Bút lục số 217) của Hội Nông dân tỉnh S đã phản hồi cho Công ty T2 biết do giữa Hội Nông dân tỉnh S và Công ty T2 chưa thống nhất xác định khối lượng thực tế mà Công ty T2 đã thi công để làm cơ sở thanh toán, qua nhiều lần làm việc Công ty T2 không phối hợp thực hiện và Công ty T2 cũng chưa hoàn thành nội dung và khối lượng công việc theo hợp đồng. Do đó hợp đồng chưa được thanh lý.

[9] Từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 7 năm 2019 xảy ra việc mất cắp tại công trình. Sau khi xảy ra việc mất cắp, giữa Hội N và Công ty T2 ban hành nhiều văn bản đề đề ra hướng giải quyết kết thúc hợp đồng nhưng hai bên không thoả thuận được.

[10] Theo thỏa thuận của các bên tại khoản 8.5 Điều 8 Hợp đồng số 01/2013/HĐXD ngày 06/9/2013 và Hợp đồng số 05/2013/HĐXD ngày 10/10/2013 quy định: *“Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng, ... Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể công việc mà nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình”*. Vào ngày 15/10/2018 các bên có lập biên bản kiểm tra hiện trường, nội dung xác định khối lượng công việc mà nhà thầu đã thi công và một số công việc nhà thầu phải làm để hoàn thành công trình chứ không có nội dung nào thể hiện công trình đã hoàn thành và đã được nghiệm thu để đưa vào sử dụng.

[11] Theo quy định tại khoản 22.3 Điều 22 của Hợp đồng số 01/2013/HĐXD ngày 06/9/2013 và khoản 22.3 và Điều 22 Hợp đồng số 05/2013/HĐXD ngày 10/10/2013, các bên thỏa thuận: *“Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 8.5 của Hợp đồng (nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình) cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư... Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của nhà thầu”*. Tại điểm b khoản 22.4 Điều 22 của Hợp đồng số 01/2013/HĐXD và tại điểm b khoản 22.4 Điều 22 của Hợp đồng số 05/2013/HĐXD các bên thỏa thuận về bồi thường rủi ro như sau: *“Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này phát sinh hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót; được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc*

vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê”. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình: “b) Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro: Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra”.

[12] Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định từ thời điểm lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 15/10/2018 cho đến nay thì giữa nguyên đơn và bị đơn chưa ký kết biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình, do đó việc quản lý công trình thuộc về trách nhiệm của Công ty T2. Việc mất cắp xảy ra trong thời gian phía Công ty T2 chưa nghiệm thu và bàn giao công trình cho Hội Nông dân nên trách nhiệm để xảy ra việc mất cắp tại công trình thuộc về Công ty T2. Sau khi xác định được giá trị tài sản mất cắp, Hội Nông dân có ban hành Thông báo số 23/TB-HNDST ngày 22/10/2019 và có gửi cho Công ty T2 nhằm thông báo để Công ty T2 phối hợp thực hiện khắc phục tài sản bị mất cắp, bị đơn Công ty T2 có nhận được thông báo nhưng không có văn bản phản hồi cho Hội Nông dân. Theo thỏa thuận của các bên tại khoản 13.2 Điều 13 Hợp đồng số 01 và khoản 13.2 Điều 13 Hợp đồng số 05 quy định: *“Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư trong khoảng thời gian 02 (hai) ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư”*. Ngoài ra, vào ngày 06/5/2019 Công ty T2 có làm cam kết khi công trình tiếp tục triển khai mà khối lượng dây điện bị thiếu so với khối lượng chủ đầu tư đã nghiệm thu thì Công ty T2 sẽ cung cấp và lắp đặt lại đầy đủ. Chúng loại và chất lượng dây đảm bảo như hợp đồng đã ký kết, nhưng sau đó phía Công ty T2 vẫn không thực hiện theo cam kết.

[13] Do Công ty T2 không đồng ý khắc phục phần tài sản bị mất cắp, nhằm đảm bảo công trình thi công được đưa vào sử dụng đúng tiến độ, nên Hội Nông dân tỉnh S đã ứng tiền để khắc phục các tài sản bị thất thoát với tổng số tiền là 2.355.179.413 đồng (Bút lục 610-639), gồm: Chi phí thi công xây dựng: 2.186.232.389 đồng; Chi phí tư vấn lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 10.119.000 đồng; Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán: 5.674.024 đồng; Chi phí lập dự toán: 9.585.000 đồng; Chi phí tư vấn quản lý dự án: 71.752.000 đồng; Chi phí tư vấn giám sát: 71.817.000 đồng. Vì vậy, Hội Nông dân tỉnh S yêu cầu Công ty T2 hoàn trả số tiền là 2.355.179.413 đồng, là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với Điều 166 của Bộ luật

Dân sự năm 2015. Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T2 là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên Công ty TNHH T2 phải chịu án phí theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền 2.355.179.413 đồng (*hai tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm mười ba đồng*). Bao gồm: Chi phí thi công xây dựng: 2.186.232.389 đồng (*hai tỷ một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm ba mươi hai ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*). Chi phí tư vấn lập hồ sơ lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: 10.119.000 đồng (*mười triệu một trăm mười chín ngàn đồng*). Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán: 5.674.024 đồng (*năm triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm hai mươi bốn đồng*). Chi phí lập dự toán: 9.585.000 đồng (*chín triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng*). Chi phí tư vấn quản lý dự án: 71.752.000 đồng (*bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng*). Chi phí tư vấn giám sát: 71.817.000 đồng (*bảy mươi một triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày Hội Nông dân tỉnh S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty TNHH T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu số tiền 79.103.588 đồng (*bảy mươi chín triệu một trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi tám đồng*). Hoàn trả cho Hội Nông dân tỉnh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.551.794 đồng (*ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi một ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008679 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH T2 phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0002094 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công ty TNHH T2 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THA TP.Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga